TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/DS-ST
Ngày: 22-8-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thạch Thị Thu Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch Khêm**

2. Ông **Nguyễn Văn Bé**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Minh Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2018/TLST-DS, ngày 12 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Sơn Thị Minh T**, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm 1, phường 2, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

- Đồng bị đơn*:*

1. Bà **Nguyễn Thị Liên**, sinh năm 1966 (Vắng mặt, không có lý do).

2. Ông **Đoàn Văn Dễ**, sinh năm 1967 (Vắng mặt, không có lý do).

Cùng địa chỉ: Ấp NH, xã TH, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Sơn Thị Minh T trình bày:

Ngày 17/9/2015 (al) bà Sơn Thị Minh T có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn Văn D mượn số tiền bằng 22.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận do bà L viết, ông D và bà L cùng ký tên, hai bên không có thỏa thuận lãi suất, nhưng bà L có hứa với bà T mỗi ngày bà L chở dừa và chuối đến bán cho bà T để cấn trừ nợ. Ngày 14/4/2016 (al) bà L và ông D có trả được 6.000.000 đồng còn nợ lại 16.000.000 đồng. Ngày 30/12/2016 (al), bà L và ông D hỏi mượn tiếp của bà T bằng 5.000.000 đồng, do bà L hứa qua Tết Nguyên đán sẽ trả, ở lần mượn tiền này không có làm biên nhận. Tại đơn khởi kiện ngày 03/4/2018 bà T khởi kiện yêu cầu bà L và ông D phải trả cho bà T số tiền bằng 21.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật (trong đó số tiền mượn 16.000.000 đồng bà T yêu cầu tính lãi kể từ ngày 14/4/2016 (al) cho đến khi xét xử sơ thẩm; số tiền 5.000.000 đồng bà T yêu cầu tính lãi kể từ ngày 30/12/2016 (al) cho đến khi xét xử sơ thẩm). Tại phiên tòa hôm nay bà T chỉ yêu cầu bà L và ông D trả cho bà T số tiền vốn đã mượn bằng 21.000.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi.

Ý kiến trình bày của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng đồng bị đơn ông Đoàn Văn D và bà Nguyễn Thị L chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471; 474 và 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị Minh T.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Sơn Thị Minh T cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ sau đây:

- 01 biên nhận mượn tiền ngày 17/9/2015 âm lịch (bản pho to);

- 01 biên nhận mượn tiền ngày 17/4/2016 âm lịch (bản chính);

- 01 biên nhận trả tiền ngày 12/9/2016 âm lịch (bản chính).

Do đồng bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn Văn D vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi xét xử và Tòa án không tiến hành làm việc được với bà L và ông D nên Tòa án không biết các tình tiết nào các đương sự thống nhất và các tình tiết nào các đương sự không thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn Văn D là đồng bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đồng bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Sơn Thị Minh T chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn Văn D cùng có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vốn gốc bằng 21.000.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi.

[3]. Đối với số tiền vay 22.000.000 đồng: Quá trình tố tụng bà T có cung cấp cho Tòa án một biên nhận mượn tiền ngày 17.9 âm lịch không biết năm nào (bản pho to), bà T cho rằng biên nhận này là do chính tay bà L viết vào ngày 17/9/2015 âm lịch và ông D ký tên. Đến ngày 17/4/2016 âm lịch, bà L và ông D trả cho bà T được 4.000.000 đồng, nên bà L và ông D lấy lại biên nhận nợ 22.000.000 đồng và viết lại cho bà T một biên nhận khác có thể hiện có mượn của bà T bằng 18.000.000 đồng. Tiếp đến ngày 12/9/2016 âm lịch, bà L ông D có trả tiếp cho bà T được 2.000.000 đồng, nên ở khoản này ông D và bà L còn nợ lại là 16.000.000 đồng. Do không làm việc được với ông D và bà L nên không khẳng định được các biên nhận mà bà T cung cấp cho Tòa án có phải là chữ viết và chữ ký của bà L và ông D hay không. Tuy nhiên quá trình tố tụng Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, tống đạt thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông D và bà L vẫn không đến Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Minh T. Vì vậy, ông D và bà L phải chịu hậu quả pháp lý của việc không đến Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị Minh T.

[4]. Đối với số tiền 5.000.000 đồng: Mặc dù không có làm biên nhận nhưng bà L và ông D không đến Tòa án để chứng minh phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị Minh T. Vì vậy, ông D và bà L phải chịu hậu quả pháp lý của việc không đến Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị Minh T.

[5] Về khoản lãi: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Sơn Thị Minh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Minh T chấp nhận lời phát biểu của Kiểm sát viên buộc ông Đoàn Văn D và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ cùng trả cho bà Sơn Thị Minh T số tiền bằng 21.000.000 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Sơn Thị Minh T được chấp nhận nên bà Sơn Thị Minh T không phải chịu án phí. Ông Đoàn Văn D và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền mà Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T (21.000.000 đồng x 5% = 1.050.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 474 và 477 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Minh T.

2. Buộc Ông Đoàn Văn D và bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Sơn Thị Minh T số tiền bằng 21.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sơn Thị Minh T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Sơn Thị Minh T số tiền tạm ứng án phí bằng 525.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015429 ngày 11/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Buộc ông Đoàn Văn D và bà Nguyễn Thị L phải chịu 1.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Thạch Thị Thu Hiền